ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2017/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2017

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về hợp tác khoa học và công nghệ, ký tại Béc-lin ngày 25 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực với Việt Nam kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2017.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
Q. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

VỀ

HỢP TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Liên bang Đức, sau đây được gọi là "hai Bên",

Ý thức được rằng, khoa học và công nghệ là một lĩnh vực hợp tác quan trọng giữa hai nước, và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội và vì lợi ích của nhân dân hai nước,

Với mong muốn phát triển và tăng cường tình hữu nghị và sự hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa hai nước,

Trên cơ sở Tuyên bố chung Hà Nội về việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Đức, ký tại Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm 2011,

đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Các Bên tạo thuận lợi và hỗ trợ sự hợp tác giữa hai nước trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp với khả năng và mối quan tâm sẵn có của mỗi Bên.

Điều 2

Trong Hiệp định có sử dụng các thuật ngữ sau:

1. "Hoạt động hợp tác" là biện pháp mà các Bên thực hiện hoặc hỗ trợ phù hợp với Hiệp định này.

2. "Thông tin" là các dữ liệu khoa học hoặc kỹ thuật, các kết quả hoặc phương pháp nghiên cứu và triển khai có được từ các hoạt động hợp tác, cũng như tất cả các dữ liệu khác liên quan đến các hoạt động hợp tác.

3. "Quyền sở hữu trí tuệ" được định nghĩa theo các đoạn từ 1-7, Phần II của Hiệp định về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) ký ngày 15 tháng 4 năm 1994.

4. "Thành viên tham gia" là cá nhân hoặc tổ chức tham gia vào hoạt động hợp tác trong khuôn khổ của Hiệp định này.

5. "Khoa học" có nghĩa là tất cả các lĩnh vực nghiên cứu.

Điều 3

Việc thực hiện các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định này cần tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Vì lợi ích của cả hai Bên;
2. Đối xử công bằng và thỏa đáng giữa các thành viên tham gia;
3. Sớm trao đổi các thông tin liên quan đến hoạt động hợp tác;
4. Thu hút các bên thứ ba tham gia vào các hoạt động hợp tác trong sự đồng thuận lẫn nhau;
5. Cùng tài trợ kinh phí cho các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ khả năng sẵn có;
6. Đảm bảo tính bền vững và vận dụng các kết quả đạt được.

Điều 4

Hai Bên chỉ định các cơ quan có thẩm quyền sau đây thực hiện Hiệp định:

- Về phía Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Về phía Chính phủ nước Cộng hoà Liên bang Đức: Bộ Nghiên cứu và Giáo dục Liên bang.

Điều 5

1. Trong khuôn khổ quy định pháp luật của nước mình, hai Bên khuyến khích sự tham gia của các cơ sở công hay các tổ chức tư nhân, các doanh nghiệp của hai nước vào việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động hợp tác khác.

2. Khi thấy cần thiết và bằng sự đồng thuận, hai Bên có thể đề nghị các tổ chức quốc tế, Liên minh châu Âu hỗ trợ và tham gia thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động hợp tác khác trong khuôn khổ của Hiệp định.

Điều 6

Hai Bên khuyến khích sự hợp tác vì lợi ích của cả hai phía và bằng phương thức đã được đồng thuận, đặc biệt dưới các hình thức sau:

1. Trao đổi thông tin và tài liệu khoa học và công nghệ;

2. Trao đổi các đoàn chuyên môn, các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu và các cán bộ chuyên môn khác;

3. Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo, hội nghị và triển lãm khoa học chung;

4. Thực hiện các dự án nghiên cứu chung, bao gồm cả việc cùng sử dụng các cơ sở và trang thiết bị khoa học và kỹ thuật hoặc cùng xây dựng các cơ sở này;

5. Xây dựng mạng lưới cộng tác gồm các nhà khoa học đã từng học tập và nghiên cứu ở mỗi nước;

6. Ủng hộ và hỗ trợ cùng đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cũng như tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ này;

7. Ủng hộ sự kết nối hợp tác trực tiếp giữa các trường đại học;

8. Các hoạt động hợp tác khác có thể thoả thuận

Mỗi Bên cố gắng đảm bảo sao cho các thành viên tham gia vào các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ của Hiệp định này được tiếp cận với các cơ quan, tổ chức và các cộng tác viên cần thiết để thực hiện các hoạt động hợp tác trong lãnh thổ của mình.

Điều 7

1. Sự hợp tác chủ yếu được thực hiện bởi các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức trung gian, các cơ sở nghiên cứu và các trường đại học của hai nước. Hai Bên cũng khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp. Các tổ chức này có thể tự ký kết các thoả thuận riêng trong khuôn khổ Hiệp định này cho từng lĩnh vực chuyên môn hay cho các dự án chung. Trong các thoả thuận này có quy định nội dung và phạm vi hợp tác, các cơ quan tham gia cũng như các vấn đề về tài chính và các vấn đề khác, bao gồm cả việc khai thác các kiến thức và kết quả đạt được.

2.Nếu không có thoả thuận khác trong từng trường hợp cụ thể, đối với việc trao đổi nhân sự giữa các Bên, Bên cử người đi chịu chi phí đi lại quốc tế và phí bảo hiểm y tế, Bên đón đảm nhận chi phí ăn ở, đi lại trong nước mình.

3. Nếu không có thoả thuận khác trong từng trường hợp cụ thể, đối với các đoàn của một Bên sang thăm Bên kia, Bên cử đoàn đi tự chịu mọi chi phí cho đoàn.

Điều 8

1. Mỗi Bên tiến hành tất cả các bước cần thiết và cố gắng hết sức, phù hợp với pháp luật và các quy định của nước mình, để tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh của các cá nhân, hoặc việc nhập khẩu các nguyên vật liệu, các thông tin khoa học kỹ thuật và các trang thiết bị vào lãnh thổ của mình để dùng hoặc sử dụng vào các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ của Hiệp định này hoặc các thỏa thuận riêng theo Khoản 1 Điều 7; tương tự như vậy đối với việc xuất cảnh hoặc xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ của từng Bên.

2. Mỗi Bên cố gắng, phù hợp với pháp luật và các quy định của nước mình, sao cho việc nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là các nguyên vật liệu và trang thiết bị nhằm mục đích thực hiện các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ của Hiệp định này hoặc các thỏa thuận riêng theo Khoản 1 Điều 7 được ưu đãi khi nộp thuế hoặc các khoản nộp ngân sách khác.

3.Hai Bên cho phép các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu và các cá nhân sẽ làm việc tại một Bên để thực hiện Hiệp định hay các thỏa thuận riêng theo khoản 1 Điều 7 và chuyển ra nước ngoài khi hết thời hạn làm việc tại Bên đó được miễn thuế và các khoản nộp ngân sách khác khi nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa là tài sản di chuyển phù hợp với pháp luật và các quy định của mỗi Bên và trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

Điều 9

1. Các Bên thỏa thuận rằng, các thành viên tham gia vào các hoạt động hợp tác được hỗ trợ trong khuôn khổ Hiệp định này cam kết tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra từ những hoạt động hợp tác này phù hợp với luật pháp áp dụng ở mỗi quốc gia, và đảm bảo việc thực thi những quyền đó.

Các Bên thỏa thuận rằng, việc tài trợ cho các hoạt động hợp tác cần phục vụ cho lợi ích của cả hai nước, do đó, đặc biệt là các Bên sẽ không cản trở bất kỳ thành viên nào khai thác tại nước mình kết quả nghiên cứu được tạo ra từ các hoạt động hợp tác. Các thành viên tham gia phải đảm bảo đối xử công bằng và bình đẳng về quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác vì lợi ích của tất cả các thành viên tham gia; việc cho phép bên thứ ba khai thác kết quả hợp tác phải có sự đồng thuận của tất cả các thành viên tham gia. Các thành viên tham gia phải có nghĩa vụ xây dựng các điều khoản hợp đồng rõ ràng đảm bảo việc thừa nhận các quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra

trong các hoạt động hợp tác được tài trợ trong khuôn khổ Hiệp định này cũng như các điều kiện và quy mô sử dụng.

2. Các thành viên tham gia được hỗ trợ trong khuôn khổ của Hiệp định này có trách nhiệm đảm bảo cho lợi ích riêng của họ, nhưng không phương hại đến các quy định trong khoản 1.

3. Các thông tin khoa học và công nghệ được tạo ra bởi các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định này mà không bắt buộc phải bảo vệ theo khoản 1 hoặc các luật pháp quốc gia khác thì có thể được công bố theo cách thức thông thường. Trước khi công bố phải xem xét khả năng thương mại hóa vì lợi ích của cả hai Bên và của các thành viên tham gia. Việc thương mại hóa sẽ được ưu tiên.

Điều 10

1. Để hỗ trợ việc thực hiện Hiệp định này và các thoả thuận riêng theo Điều 7 khoản 1, hai Bên thành lập Uỷ ban chung về Hợp tác Khoa học và Công nghệ. Ủy ban này có nhiệm vụ:

- Xây dựng khung hợp tác song phương và kế hoạch hành động;

- Cùng đánh giá kết quả hợp tác song phương theo định kỳ hai năm một lần;

- Quyết định các nội dung, hoạt động hợp tác và lĩnh vực ưu tiên hợp tác và thời gian thực hiện.

2. Uỷ ban chung bao gồm đại diện của hai Bộ như nói trong Điều 4. Đồng chủ tịch Ủy ban là một đại diện của Bộ Khoa học và Công nghệ, nước CHXHCN Việt Nam và một đại diện của Bộ Nghiên cứu và Giáo dục Liên bang, CHLB Đức. Các thành viên tiếp theo là đại diện của các cơ quan sẽ thống nhất ấn định các đồng Chủ tịch Ủy ban. Hai Bên có thể thành lập các nhóm chuyên gia đặc biệt để tư vấn và hỗ trợ cho Ủy ban chung. Tương tự như vậy, Ủy ban chung có thể lập ra các nhóm công tác thuộc lĩnh vực chuyên môn của các thành viên của Ủy ban chung.

3. Nếu không có thoả thuận khác trong từng trường hợp riêng, Uỷ ban chung sẽ họp lần lượt ở CHLB Đức và CHXHCN Việt Nam.

Điều 11

Theo các điều khoản của Phần XIII Công ước về luật biển của Liên hiệp quốc ngày 10 tháng 12 năm 1982, mỗi Bên cần chỉ định một cơ quan tiếp nhận các đơn xin cấp phép cho các nghiên cứu khoa học về biển tại vùng bờ biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình. Các Bên nhấn mạnh tầm quan trọng của các hoạt động này là nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và do đó đảm bảo sẽ chú trọng trong việc xử lý các đơn này.

Điều 12

Những vấn đề tranh chấp trong cách hiểu và vận dụng Hiệp định này sẽ được các Bên cùng bàn bạc giải quyết.

Điều 13

1. Hai Bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong 5 năm. Sau đó thời hạn hiệu lực sẽ mặc nhiên được gia hạn từng 5 năm một, trừ khi một trong các Bên có văn bản thông báo chấm dứt 6 tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

3. Khi chấm dứt hiệu lực, các quy định của Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng trong thời gian và phạm vi cần thiết để đảm bảo thực hiện các thoả thuận riêng theo Điều 7 khoản 1 mà tại thời điểm chấm dứt hiệu lực của Hiệp định vẫn chưa thực hiện xong.

4. Các quyền và nghĩa vụ từ các Hiệp định quốc tế giữa các Bên cũng như các Hiệp ước quốc tế giữa một trong hai Bên với một bên thứ ba sẽ không bị ảnh hưởng bởi Hiệp định này.

5. Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung bất cứ lúc nào với sự chấp thuận của các Bên. Những sửa đổi, bổ sung đó sẽ tạo thành một bộ phận không tách rời của Hiệp định này và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

Hiệp định được ký tại .....Berlin..... ngày 25 tháng 11 năm 2015 lập thành hai bản gốc, mỗi bản được viết bằng tiếng Việt, tiếng Đức và tiếng Anh, cả ba văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có cách hiểu khác nhau về văn bản tiếng Việt và tiếng Đức thì văn bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
NGUYỄN QUÂN Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ	FRANK-WALTER STEINMEIER Bộ trưởng Ngoại giao và GEORG SCHÜTTE Quốc vụ khanh Bộ Giáo dục và Nghiên cứu

ABKOMMEN

ZWISCHEN

DER REGIERUNG DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAM

UND

DER REGIERUNG DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

ÜBER

WISSENSCHAFTLICH-TECHNOLOGISCHE ZUSAMMENARBEIT

Die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam und die Regierung der Bundesrepublik Deutschland, im Folgenden Vertragsparteien genannt,

in dem Bewusstsein, dass Wissenschaft und technologische Entwicklung wichtige Bereiche in der Kooperation beider Länder sind und zur wirtschaftlich-sozialen Entwicklung und zum Nutzen der Bevölkerung beider Länder beitragen,

in dem Wunsch, die freundschaftlichen Beziehungen und die Zusammenarbeit auf dem Gebiet der wissenschaftlichen Forschung und technologischen Entwicklung zwischen beiden Ländern auszubauen und zu vertiefen,

auf der Grundlage der Gemeinsamen Erklärung von Hanoi: „Vietnam und Deutschland - Strategische Partner der Zukunft", unterzeichnet in Hanoi am 11. Oktober 2011,

sind wie folgt übereingekommen:

Artikel 1

Die Vertragsparteien erleichtern und fördern die Zusammenarbeit zwischen ihren beiden Ländern in der wissenschaftlichen Forschung und technologischen Entwicklung im Einklang mit den auf jeder Seite bestehenden Möglichkeiten und Interessen.

Artikel 2

Für die Zwecke dieses Abkommens gilt Folgendes:

1. „Kooperationsaktivität" bezeichnet jede Maßnahme, die die Vertragsparteien entsprechend diesem Abkommen ergreifen oder unterstützen.
2. „Informationen" bezeichnet wissenschaftliche oder technische Daten, Forschungs- und Entwicklungsergebnisse oder -methoden, die sich aus Kooperationsaktivitäten ergeben, sowie alle anderen Daten im Zusammenhang mit Kooperationsaktivitäten.
3. „Geistiges Eigentum" hat die in den Abschnitten 1 bis 7 des Teils II des am 15. April 1994 geschlossenen Übereinkommens über handelsbezogene Aspekte der Rechte des geistigen Eigentums (TRIPS) bestimmte Bedeutung.
4. „Teilnehmer" bezeichnet jede Person oder Stelle, die im Rahmen dieses Abkommens an einer Kooperationsaktivität beteiligt ist.
5. „Wissenschaft" beinhaltet alle Forschungsfelder.

Artikel 3

Für die Durchführung der Kooperationsaktivitäten nach diesem Abkommen gelten folgende Grundsätze:

1. beiderseitiger Nutzen;
2. faire und angemessene Behandlung der Teilnehmer;
3. frühzeitiger Austausch von Informationen, die Kooperationsaktivitäten betreffen können;
4. Einbeziehung Dritter in Kooperationsaktivitäten im gegenseitigen Einvernehmen;
5. gemeinsame Finanzierung von Kooperationsaktivitäten im Rahmen der bestehenden Möglichkeiten;
6. Nachhaltigkeit und Umsetzung der Ergebnisse.

Artikel 4

Die Vertragsparteien bestimmen folgende zuständige Stellen für die Durchführung dieses Abkommens:

- für die Regierung der Bundesrepublik Deutschland: das Bundesministerium für Bildung und Forschung;
- für die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam: das Ministerium für Wissenschaft und Technologie.

Artikel 5

(1) Die Vertragsparteien fördern im Rahmen ihrer jeweils geltenden innerstaatlichen Rechtsvorschriften die Beteiligung von öffentlichen und privaten Einrichtungen und Unternehmen beider Seiten an Programmen, Projekten und sonstigen Kooperationsaktivitäten.

(2) Soweit erforderlich können die Vertragsparteien einvernehmlich internationale Organisationen und die Europäische Union um Unterstützung und Beteiligung bei der Durchführung von Programmen, Projekten und sonstigen Kooperationsaktivitäten im Rahmen dieses Abkommens bitten.

Artikel 6

Die Vertragsparteien fördern die Zusammenarbeit zum Nutzen beider Seiten und nach einvernehmlich festzulegenden Verfahren, insbesondere in folgender Form:

1. Austausch von wissenschaftlich-technologischen Informationen und Material;
2. gegenseitige Entsendung von Fachdelegationen, Wissenschaftlern, sonstigem Forschungspersonal und Fachpersonal;
3. Veranstaltung gemeinsamer wissenschaftlicher Symposien, Seminare, Konferenzen und Ausstellungen;
4. Durchführung gemeinsamer Forschungsvorhaben, einschließlich der gemeinsamen Nutzung von wissenschaftlichen und technischen Einrichtungen und Anlagen oder des gemeinsamen Aufbaus solcher Einrichtungen;
5. Aufbau von Netzwerken zur Kontaktpflege von Wissenschaftlern, die im jeweils anderen Land studiert oder geforscht haben;
6. Unterstützung und Förderung bei der gegenseitigen Ausbildung von Graduierten und Doktoranden sowie deren Fort- und Weiterbildung;
7. Unterstützung bei der Herstellung direkter Kooperationen zwischen Universitäten und anderen Hochschulen;
8. sonstige einvernehmlich bestimmte weitere Kooperationsaktivitäten.

Jede Vertragspartei bemüht sich sicherzustellen, dass alle Teilnehmer an Kooperationsaktivitäten im Rahmen dieses Abkommens den für die Durchführung dieser Aktivitäten erforderlichen Zugang zu Einrichtungen und Mitarbeitern in ihrem Staatsgebiet erhalten.

Artikel 7

(1) Die Zusammenarbeit wird zu einem wesentlichen Anteil von Forschungsorganisationen, Mittlerorganisationen, Forschungseinrichtungen und Hochschulen beider Länder durchgeführt. Auch die Beteiligung von Unternehmen kann von den Vertragsparteien gefördert werden. Diese können selbständig für einzelne Fachgebiete oder gemeinsame Projekte besondere Vereinbarungen im Rahmen dieses Abkommens abschließen. In diesen Vereinbarungen werden Inhalt und Umfang der Zusammenarbeit, die beteiligten Stellen sowie finanzielle und andere Fragen einschließlich der Verwertung der anfallenden Kenntnisse und Ergebnisse geregelt.

(2) Soweit im Einzelfall nichts anderes vereinbart wird, werden bei Maßnahmen des Personalaustauschs zwischen den Vertragsparteien von der entsendenden Vertragspartei die internationalen Reisekosten und die Kosten einer Krankenversicherung für die Dauer des Aufenthalts getragen. Die aufnehmende Vertragspartei trägt die in ihrem Land anfallenden Aufenthaltskosten und die Kosten für Inlandsreisen.

(3) Soweit im Einzelfall nicht anders vereinbart, trägt bei Delegationsbesuchen einer Vertragspartei im Land der anderen jede Vertragspartei die ihr entstehenden Kosten selbst.

Artikel 8

(1) Jede Vertragspartei ergreift alle sinnvollen Schritte und bemüht sich nach besten Kräften, im Einklang mit ihren Gesetzen und Rechtsvorschriften die Einreise beziehungsweise Einfuhr von Personen, Material, wissenschaftlichen und technischen Informationsmaterialien und Ausrüstungsgegenständen in ihr Staatsgebiet für den Einsatz beziehungsweise die Nutzung in Kooperationsaktivitäten im Rahmen dieses Abkommens, einschließlich der nach Artikel 7 Absatz 1 getroffenen Einzelabmachungen, zu erleichtern; das gleiche gilt für die Ausreise beziehungsweise Ausfuhr aus dem jeweiligen Staatsgebiet.

(2) Jede Vertragspartei bemüht sich im Einklang mit ihren nationalen Gesetzen und Rechtsvorschriften, die Einfuhr von Waren, insbesondere Materialien und Ausrüstungsgegenständen zum Zwecke von Kooperationsaktivitäten im Rahmen dieses Abkommens oder im Rahmen von Einzelabmachungen nach Artikel 7 Absatz 1 bei der Erhebung von Zöllen und sonstigen Einfuhrabgaben zu begünstigen.

(3) Die Vertragsparteien gestatten im Einklang mit ihren nationalen Gesetzen und Rechtsvorschriften und auf der Basis der Gegenseitigkeit Wissenschaftlern, sonstigem Forschungspersonal und den für die Durchführung des Abkommens oder der nach Artikel 7 Absatz 1 zu treffenden besonderen Vereinbarungen zuständigen Personen, die auf dem Gebiet der jeweils anderen Vertragspartei tätig werden und nach Beendigung der Tätigkeit wieder aus diesem Gebiet ausreisen, die von Zöllen und sonstigen Einfuhrabgaben freie Ein- und Ausfuhr ihres Umzugsgutes.

Artikel 9

(1) Die Vertragsparteien vereinbaren, dass die Teilnehmer an Kooperationsaktivitäten, die im Rahmen dieses Abkommens gefördert werden, nach Maßgabe des anwendbaren nationalen Rechts verpflichtet sind, geeignete Maßnahmen zu ergreifen, um aus diesen Kooperationsaktivitäten entstehendes geistiges Eigentum zu schützen und die Durchsetzung dieser Rechte sicherzustellen. Die Vertragsparteien stimmen darin überein, dass die Förderung dieser Kooperationsaktivitäten dem gegenseitigen Nutzen beider Länder dienen soll und werden daher insbesondere die Verwertung von in Kooperation erzielten Ergebnissen durch Teilnehmer in ihrem jeweiligen Heimatland nicht behindern. Die Teilnehmer haben eine faire und gleichberechtigte Behandlung hinsichtlich

der Rechte an dem im Rahmen der Kooperationsaktivitäten hervorgebrachten geistigen Eigentum zum gegenseitigen Nutzen aller Teilnehmer zu gewährleisten; die Verwertung der Ergebnisse aus Kooperationsaktivitäten durch Dritte erfordert die gegenseitige Zustimmung aller Teilnehmer. Die Teilnehmer sind verpflichtet, die Einräumung von Rechten an geistigem Eigentum, das aus den im Rahmen dieses Abkommens geförderten Kooperationsaktivitäten hervorgegangen ist, vertraglich klar zu regeln; dies gilt auch für die Bedingungen und den Umfang der Nutzung.

(2) Unbeschadet der Bestimmungen in Absatz 1 ist es Aufgabe der Teilnehmer, die im Rahmen dieses Abkommens gefördert werden, ihre eigenen Interessen zu wahren.

(3) Wissenschaftliche und technologische Informationen, die sich aus den Kooperationsaktivitäten im Rahmen dieses Abkommens ergeben und die nicht nach Absatz 1 oder gemäß anwendbarem nationalem Recht vor Weitergabe geschützt werden müssen, können der Öffentlichkeit auf den üblichen Wegen zur Verfügung gestellt werden. Dies hat in einer Weise zu erfolgen, dass eine vorhergehende Prüfung auf wirtschaftliche Verwertung im Interesse beider Vertragsparteien und der Teilnehmer sichergestellt ist. Die wirtschaftliche Verwertung hat Vorrang.

Artikel 10

(1) Um die Durchführung dieses Abkommens und der besonderen Vereinbarungen nach Artikel 7 Absatz 1 zu fördern, gründen die Vertragsparteien ein Gemeinsames Komitee für wissenschaftlich-technologische Kooperation. Zu seinen Aufgaben gehören insbesondere:

- die Formulierung bilateraler Rahmenvereinbarungen und Aktionspläne,

- die gemeinsame Evaluation der Ergebnisse bilateraler Kooperationsmaßnahmen möglichst alle zwei Jahre,

- die Entscheidung über Kooperationsinhalte, -aktivitäten und -prioritäten und deren zeitliche Dauer.

(2) Das Gemeinsame Komitee besteht aus den Vertretern der in Artikel 4 genannten Ministerien. Den Vorsitz führt ein vom Bundesministerium für Bildung und Forschung der Regierung der Bundesrepublik Deutschland benannter Vertreter gemeinsam mit einem vom Ministerium für Wissenschaft und Technologie der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam benannten Vertreter. Weitere Mitglieder sind Vertreter von Einrichtungen, die die Vorsitzenden einvernehmlich bestimmen. Zur Beratung und Unterstützung des Komitees können Ad-hoc-Sachverständigengruppen eingesetzt werden. Ebenfalls kann das

Komitee Arbeitsgruppen zu fachlichen Teilgebieten aus dem Kreis seiner Mitglieder einsetzen.

(3) Das Gemeinsame Komitee trifft sich zu Sitzungen abwechselnd in der Bundesrepublik Deutschland und in der Sozialistischen Republik Vietnam, sofern im Einzelfall nichts anderes vereinbart wird.

Artikel 11

Jede Vertragspartei benennt im Einklang mit Teil XIII des Seerechtsübereinkommens der Vereinten Nationen vom 10. Dezember 1982 die Stelle, bei der Anträge auf Genehmigung wissenschaftlicher Meeresforschung in ihrem Küstenmeer, ihrer ausschließlichen Wirtschaftszone und auf ihrem Festlandsockel einzureichen sind. Die Vertragsparteien bekräftigen die Bedeutung solcher Aktivitäten für die Förderung wissenschaftlicher Erkenntnisse und werden deshalb die Anträge mit der gebotenen Sorgfalt bearbeiten.

Artikel 12

Streitigkeiten über die Auslegung oder Anwendung dieses Abkommens werden in Konsultationen zwischen den beiden Vertragsparteien beigelegt.

Artikel 13

(1) Die Vertragsparteien werden einander in schriftlicher Form auf diplomatischem Wege über die Vollendung der rechtlichen Erfordernisse für das Inkrafttreten des Abkommens in Kenntnis setzen. Das Abkommen wird an dem Tag des Eingangs der letzten Mitteilung in Kraft treten.

(2) Dieses Abkommen wird für die Dauer von fünf Jahren geschlossen. Danach verlängert sich seine Geltungsdauer stillschweigend um jeweils weitere fünf Jahre, es sei denn, dass eine Vertragspartei das Abkommen sechs Monate vor Ablauf der jeweiligen Geltungsdauer schriftlich kündigt.

(3) Tritt das Abkommen außer Kraft, so werden seine Bestimmungen so lange und in dem Umfang weiter angewandt, wie dies erforderlich ist, um die Durchführung der besonderen Vereinbarungen nach Artikel 7 Absatz 1 zu gewährleisten, die zum Zeitpunkt des Außerkrafttretens des Abkommens noch nicht abgewickelt waren.

(4) Die Rechte und Pflichten aus anderen internationalen Abkommen zwischen den Vertragsparteien sowie aus internationalen Übereinkommen zwischen einer der beiden Vertragsparteien und Dritten bleiben von dem vorliegenden Abkommen unberührt.

(5) Dieses Abkommen kann jederzeit einvernehmlich geändert oder ergänzt werden. Die Änderungen oder Ergänzungen bilden einen integralen Teil dieses Abkommens und treten nach dem in Absatz 1 bestimmten Verfahren in Kraft.

Geschehen zu Berlin am 25. 11. 2015 in zwei Urschriften, jede in deutscher, vietnamesischer und englischer Sprache, wobei jeder Wortlaut verbindlich ist. Bei unterschiedlicher Auslegung des deutschen und des vietnamesischen Wortlauts ist der englische Wortlaut maßgebend.

FÜR DIE REGIERUNG DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAM	FÜR DIE REGIERUNG DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND
NGUYEN QUAN Minister für Wissenschaft und Technologie	FRANK-WALTER STEINMEIER Außenminister und GEORG SCHÜTTE Staatssekretärin für Bildung und Forschung

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE FEDERAL REPUBLIC OF GERMANY

ON

SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL COOPERATION

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Federal Republic of Germany, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

In the awareness that science and technological development are important areas of cooperation between the two countries which foster economic and social development to the benefit of the population of both countries,

Desiring to expand and deepen friendly relations and cooperation in the area of scientific research and technological development between the two countries,

Based on the Hanoi Joint Declaration: Viet Nam and Germany – Strategic Partners for the Future, signed in Hanoi on 11 October 2011,

Have agreed as follows:

Article 1

The Contracting Parties shall facilitate and support cooperation between the two countries in scientific research and technological development in accordance with the existing possibilities and interests on each side.

Article 2

For the purposes of this Agreement:

1. "Cooperative activity" means any activity that the Contracting Parties undertake or support pursuant to this Agreement.
2. "Information" means scientific or technical data, results or methods of research and development that stem from cooperative activities, and any other data relating to cooperative activities.
3. "Intellectual property" has the meaning specified in Section 1 to 7 Part II of the Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights signed on 15 April 1994 (TRIPS).
4. "Participant" means any person or entity that participates in a cooperative activity under this Agreement.
5. "Science" shall include all fields of research.

Article 3

Cooperative activities under this Agreement shall be conducted on the basis of the following principles:

1. Mutual benefit;
2. Equitable and fair treatment of the participants;
3. Timely exchange of information that may be relevant for cooperative activities;
4. Involvement of third parties in cooperative activities by mutual agreement;
5. Joint funding of cooperative activities to the extent possible;
6. Sustainability and application of results.

Article 4

The Contracting Parties agree that the following entities shall be responsible for the execution of this Agreement:

- For the Government of the Federal Republic of Germany: the Federal Ministry of Education and Research.
- For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam: the Ministry of Science and Technology.

Article 5

(1) In accordance with their applicable national regulations, the Contracting Parties shall promote the involvement of public and private institutions and companies from both sides in programmes, projects and other cooperative activities.

(2) If necessary and subject to mutual agreement, the Contracting Parties may request the support and involvement of international organisations and the European Union in the implementation of programmes, projects and other cooperative activities under this Agreement.

Article 6

The Contracting Parties shall support cooperation for the benefit of both sides and in accordance with procedures to be mutually agreed by the Contracting Parties, in particular in the following ways:

1. Exchange of scientific and technological information and material;
2. Two-way secondments of expert delegations, scientists and other research and specialist staff;
3. Hosting of joint scientific symposia, seminars, conferences and exhibitions;
4. Conducting joint research projects, including the joint use of scientific and technical facilities or the joint establishment of such facilities;
5. Building up of networks for scientists who have studied or done research in the partner country to maintain contact;
6. Supporting and encouraging the mutual training of graduates and doctoral students and their continuing education and training;
7. Supporting the establishment of direct cooperation between universities and other higher education institutions;
8. Other mutually agreed cooperative activities.

Each Contracting Party shall endeavour to ensure that all the participants involved in the cooperative activities under this Agreement have access to facilities and personnel within its territory as needed to carry out those activities.

Article 7

(1) A substantial share of cooperative activities shall be carried out by research organisations, intermediaries, research institutions and the higher education institutions of both countries. The Contracting Parties may also support the participation of companies. The Contracting Parties may conclude special agreements concerning individual subject areas or joint projects under this Agreement. These agreements shall govern the content and scope of cooperation, the participating entities, financial and other matters, including the commercialisation of the knowledge gained and results.

(2) Unless otherwise agreed in individual cases of personnel exchange between the Contracting Parties, the sending Contracting Party shall bear the costs of international travel and of medical insurance for the duration of the stay. The receiving Contracting Party shall bear the costs incurred for subsistence and travel within its territory.

(3) Unless otherwise agreed in individual cases of delegation visits by one Contracting Party to the territory of the other Contracting Party, each Contracting Party shall bear its own costs.

Article 8

(1) Each Contracting Party shall take all the appropriate steps and do their utmost, in accordance with its laws and regulations, to facilitate entry to its territory of persons, material, scientific and technical information and equipment involved in or used in cooperative activities under this Agreement, including any special agreements concluded in accordance with Article 7 Paragraph 1; the same applies to exit from the respective territory.

(2) Each Contracting Party shall, in accordance with its national laws and regulations, work towards obtaining favourable conditions with regard to customs duties and other charges for the import of goods, in particular materials and equipment for the purpose of cooperative activities under this Agreement or under special agreements concluded in accordance with Article 7 Paragraph 1.

(3) The Contracting Parties shall allow, in accordance with their national laws and regulations and on the basis of reciprocity, the duty-free import and export of the personal effects of scientists, other research staff and persons responsible for the implementation of this Agreement or special agreements concluded in accordance with Article 7 Paragraph 1 who become active in the other Contracting Party's territory and exit said territory upon termination of their activities.

Article 9

(1) The Contracting Parties agree that the participants in cooperative activities funded under this Agreement, in accordance with the applicable national law, shall be bound to take suitable measures to provide for the protection of intellectual property generated by these cooperative activities and to ensure the enforcement of these rights. The Contracting Parties agree that support for these cooperative activities is intended to be of mutual benefit to both countries and shall therefore endeavour in particular not to obstruct the utilisation of the results of cooperative activities by participants in their respective home countries. The participants shall be obliged to guarantee fair and equal treatment with regard to the rights to the intellectual property

generated by the cooperative activities for the mutual benefit of all participants; utilisation of the results of cooperative activities by third parties requires the mutual consent of all participants. The participants shall be obliged to establish clear contractual rules governing the allocation of rights to intellectual property which is generated by the cooperative activities funded under this Agreement; the same obligation applies concerning the conditions and scope of use.

(2) Notwithstanding the provisions of Paragraph 1 above, the participants funded under this Agreement shall be responsible for safeguarding their own interests.

(3) Scientific and technological information which results from cooperative activities under this Agreement and which is not subject to protection from disclosure pursuant to Paragraph 1 or applicable national law may be made available to the public through customary channels. This must be done in such a way as to ensure prior examination of the commercialisation in the interest of the two Contracting Parties and the participants. Commercialisation shall be given priority.

Article 10

(1) The Contracting Parties shall establish a Joint Committee for Scientific and Technological Cooperation to foster the implementation of this Agreement and the special agreements concluded in accordance with Article 7 Paragraph 1. The tasks of the Joint Committee shall include in particular:

- Formulation of bilateral framework agreements and action plans,
- Joint evaluation of the results of bilateral cooperation measures, every two years if possible,
- Decision-making concerning topics, activities and priorities of cooperation and their duration.

(2) The Joint Committee shall be composed of the representatives of the ministries identified in Article 4. It shall be chaired by a representative appointed by the Federal Ministry of Education and Research of the Government of the Federal Republic of Germany together with a representative appointed by the Ministry of Science and Technology of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam. Other members shall be representatives of institutions which the two Chairs shall appoint by mutual agreement. *Ad hoc* expert groups may be set up to provide counsel and

support to the Committee. The Committee may also form working groups on specific subject areas from among its membership.

(3) The Joint Committee shall meet alternately in the Federal Republic of Germany and the Socialist Republic of Viet Nam, unless otherwise agreed in individual cases.

Article 11

Each Contracting Party shall designate, in accordance with Part XIII of the United Nations Convention on the Law of the Sea of 10 December 1982, an entity to whom to submit applications for authorisation to conduct marine scientific research in their territorial sea, exclusive economic zone or on their continental shelf. The Contracting Parties affirm the importance of such activities for the advancement of scientific knowledge and shall therefore consider applications with due diligence.

Article 12

Any disputes concerning the interpretation or application of this Agreement shall be settled by consultations between the Contracting Parties.

Article 13

(1) The Contracting Parties shall notify one another in writing and through diplomatic channels of the completion of the legal prerequisites for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the day of the receipt of the last notification.

(2) This Agreement shall be valid for a period of five years. It shall be tacitly extended for successive periods of five years unless it is denounced in writing by one of the Contracting Parties six months prior to the expiry of any such period.

(3) Should the Agreement cease to be in force, its provisions shall remain in effect for the time and extent necessary for the implementation of the special agreements concluded in accordance with Article 7 Paragraph 1 which have not yet been executed at the time of the expiry of the Agreement.

(4) This Agreement shall not affect the rights and obligations under other international agreements between the Contracting Parties and under international agreements between either of the two Contracting Parties and third parties.

(5) This Agreement may be amended or supplemented by mutual consent at any time. Amendments or supplements form an integral part of this Agreement and enter into force pursuant to the procedure determined in Paragraph 1.

Done at Berlin on 25 November 2015 in duplicate in the German, Vietnamese and English languages, all three texts being authentic. In case of divergent interpretations of the German and Vietnamese texts, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

NGUYEN QUAN
Minister of Science and Technology

FOR THE GOVERNMENT OF THE FEDERAL REPUBLIC OF GERMANY

FRANK-WALTER STEINMEIER
Minister of Federal Foreign Office

and

GEORG SCHÜTTE
State Secretary
Ministry of Education and Research

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng